

Xây dựng mô hình khung pháp luật Việt Nam về sử dụng khoảng không vũ trụ vì mục đích hòa bình

Nguyễn Bá Diên*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 04 năm 2011

Tóm tắt. Bài viết này giới thiệu tổng quan hệ thống chính sách, pháp luật về sử dụng khoảng không vũ trụ của một số quốc gia trên thế giới. Từ đó, tác giả khái quát một số mô hình khung pháp luật vũ trụ chủ yếu được áp dụng trên thế giới hiện nay và rút ra kinh nghiệm tham khảo đối với Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp luật quốc gia về sử dụng khoảng không vũ trụ vì mục đích hòa bình.

Công nghệ vũ trụ đã và đang được ứng dụng vào nhiều ngành nghề kinh tế - kỹ thuật ở Việt Nam như: khí tượng - thủy văn, thông tin liên lạc, viễn thám và định vị nhờ vệ tinh. Hệ thống pháp luật vũ trụ Việt Nam về cơ bản đã được hình thành dưới dạng các quy phạm nằm rải rác trong nhiều văn bản khác nhau, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và chủ yếu trong các lĩnh vực có liên quan như: viễn thông, tần số vô tuyến điện, vệ tinh, quản lý đất đai, tài nguyên môi trường... và đã tạo lập được nền móng cơ sở pháp lý ban đầu cho các hoạt động ứng dụng và khai thác khoảng không vũ trụ của Việt Nam. Tuy nhiên, thực trạng “manh mún” và “sơ khai” này cũng đã gây không ít khó khăn cho việc điều chỉnh và quản lý một cách tổng thể các hoạt động sử dụng khoảng không vũ trụ ở Việt Nam theo nguyên tắc nhà nước thống nhất quản lý phù hợp với pháp luật quốc tế và chiến lược chiếm lĩnh, khai thác khoảng không vũ trụ của Nhà nước ta.

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam chưa có văn bản chuyên biệt nào về lĩnh vực công nghệ vũ trụ và sử dụng

khoảng không vũ trụ. Nhiều vấn đề pháp lý cơ bản nhất về vũ trụ như: khoảng không vũ trụ, hoạt động công nghệ vũ trụ, hành vi sử dụng khoảng không vũ trụ, các nguyên tắc chung, bảo vệ chủ quyền quốc gia, cơ quan quản lý, chủ thể thực hiện, vấn đề kiểm soát các giao dịch điện tử, quản lý việc sử dụng ảnh viễn thám, vấn đề bảo vệ quyền nhân thân và quyền tài sản, hoạt động thương mại vũ trụ, các hành động sai phạm trong hoạt động công nghệ vũ trụ, trình tự, thủ tục cấp phép, đăng ký và nghĩa vụ pháp lý trong hoạt động công nghệ vũ trụ và sử dụng khoảng không vũ trụ... cho đến nay vẫn chưa được quy định trong pháp luật Việt Nam. Vì vậy, cơ chế vận hành các hoạt động công nghệ vũ trụ và việc sử dụng, khai thác và từng bước chiếm lĩnh khoảng không vũ trụ theo khuôn khổ pháp lý nào đang là những câu hỏi lớn chưa có lời giải đối với hệ thống pháp luật Việt Nam.

Có thể nói, hoạt động công nghệ vũ trụ và pháp luật về sử dụng khoảng không vũ trụ của Việt Nam hiện nay còn đang ở giai đoạn sơ khai, tản mạn, thiếu tính hệ thống và sự phối hợp liên ngành. Vì vậy, Chiến lược Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ vũ trụ đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 137/2006/QĐ-TTg ngày 14/06/2006)

*ĐT: 84-35650769.
E-mail: nbadien@yahoo.com

của Thủ tướng Chính phủ đã định ra một trong bốn nhiệm vụ cơ bản phải được hoàn thành trong giai đoạn 2006 - 2010, là “xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ”, bao gồm các nội dung:

a) Nghiên cứu pháp luật quốc tế về các quy định sử dụng khoảng không vũ trụ để đảm bảo chủ quyền quốc gia;

b) Xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy chung của Nhà nước và của các ngành, liên quan đến việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ;

c) Xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy về lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng ảnh vệ tinh và các thông tin dẫn suất như bản đồ, cơ sở dữ liệu;

d) Xây dựng và ban hành quy định về bảo mật liên quan đến chương trình nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ Việt Nam;

đ) Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn định dạng và định chuẩn trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ vũ trụ, bảo đảm sự tương thích trong nước và quốc tế⁽¹⁾.

Như vậy, xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về khai thác và sử dụng khoảng không vũ trụ là mệnh lệnh và yêu cầu hết sức bức thiết. Do đó, việc nghiên cứu, tìm kiếm và xây dựng một mô hình thích hợp cho khung pháp luật Việt Nam về sử dụng khoảng không vũ trụ sẽ là điều kiện tiên quyết, cần được ưu tiên.

1. Kinh nghiệm xây dựng mô hình khung pháp luật về sử dụng khoảng không vũ trụ của một số quốc gia trên thế giới

1.1. Mô hình pháp luật vũ trụ của Hoa Kỳ

Là một cường quốc về công nghệ vũ trụ, Hoa Kỳ không chỉ thành công trong việc chinh phục vũ trụ và khai thác sử dụng rất hữu hiệu những thành quả từ việc chinh phục vũ trụ vào các mục đích

phát triển kinh tế, thương mại, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường... mà Hoa Kỳ còn rất thành công trong việc xây dựng một hệ thống chính sách, pháp luật tương đối đầy đủ, hoàn chỉnh nhằm quản lý và thúc đẩy các hoạt động vũ trụ quốc gia. Ngay trong năm 1958 - năm phóng vệ tinh Explorer 1 vào không gian Hoa Kỳ đã thành lập cơ quan quản lý các hoạt động bên ngoài không gian - NASA và ban hành Luật hàng không quốc gia và vũ trụ nhằm điều chỉnh các vấn đề nghiên cứu, phóng các vật thể vào khoảng không vũ trụ và các mục đích khác. Sau đó luật này đã được thay thế bằng Luật hàng không vũ trụ năm 2000 cho phù hợp với sự phát triển và những chính sách mới của Mỹ về vũ trụ. Năm 1998 Hoa Kỳ đã ban hành “Luật thương mại vũ trụ”. Đạo luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý; cơ chế quản lý, khai thác và phát triển hoạt động thương mại vũ trụ trên nguyên tắc tự do cạnh tranh thị trường thúc đẩy phát triển kinh tế⁽²⁾.

Ngoài các chính sách, chiến lược, Luật vũ trụ và hàng không quốc gia năm 2000 và Luật thương mại vũ trụ năm 1998 là đạo luật cơ bản điều chỉnh các hoạt động ngoài khoảng không vũ trụ, Hoa Kỳ còn ban hành một số các văn bản luật và dưới luật khác để điều chỉnh các lĩnh vực khác trong khai thác khoảng không vũ trụ như viễn thám, giao thông vận tải,... Hệ thống chính sách pháp luật hoàn chỉnh và đầy đủ này đã phát huy hiệu quả trong việc khai thác các lợi ích kinh tế, chính trị, quân sự từ hoạt động vũ trụ của Hoa Kỳ, góp phần không nhỏ vào việc đưa Hoa Kỳ trở thành một cường quốc lớn nhất về công nghệ vũ trụ trên thế giới.

Hệ thống chính sách, pháp luật của Hoa Kỳ được tổ chức theo mô hình sau:

- Chính sách, chiến lược: chính sách vũ trụ chung, chương trình vũ trụ quốc gia, chính sách viễn thám, chính sách vận tải vũ trụ, ...

- Pháp luật quốc gia.

Qua nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành của Hoa Kỳ về khai thác, sử dụng khoảng

⁽¹⁾ Quyết định số 137/2006/QĐ-TTg ngày 14/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chiến lược Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ vũ trụ đến năm 2020”.

⁽²⁾ Commercial Space Act of 1998 (Luật thương mại vũ trụ 1998) http://www.unoosa.org/oosa/SpaceLaw/national/united_states/commercial_space_act_1998E.html

không vũ trụ, có thể nhận thấy hệ thống pháp luật Hoa Kỳ được xây dựng theo mô hình: mỗi lĩnh vực có liên quan đến hoạt động vũ trụ được điều chỉnh bằng văn bản pháp lý riêng (có hiệu lực ngang nhau), cụ thể⁽³⁾:

- **Lĩnh vực quản lý hoạt động vũ trụ:** Luật về hàng không vũ trụ quốc gia năm 2000;

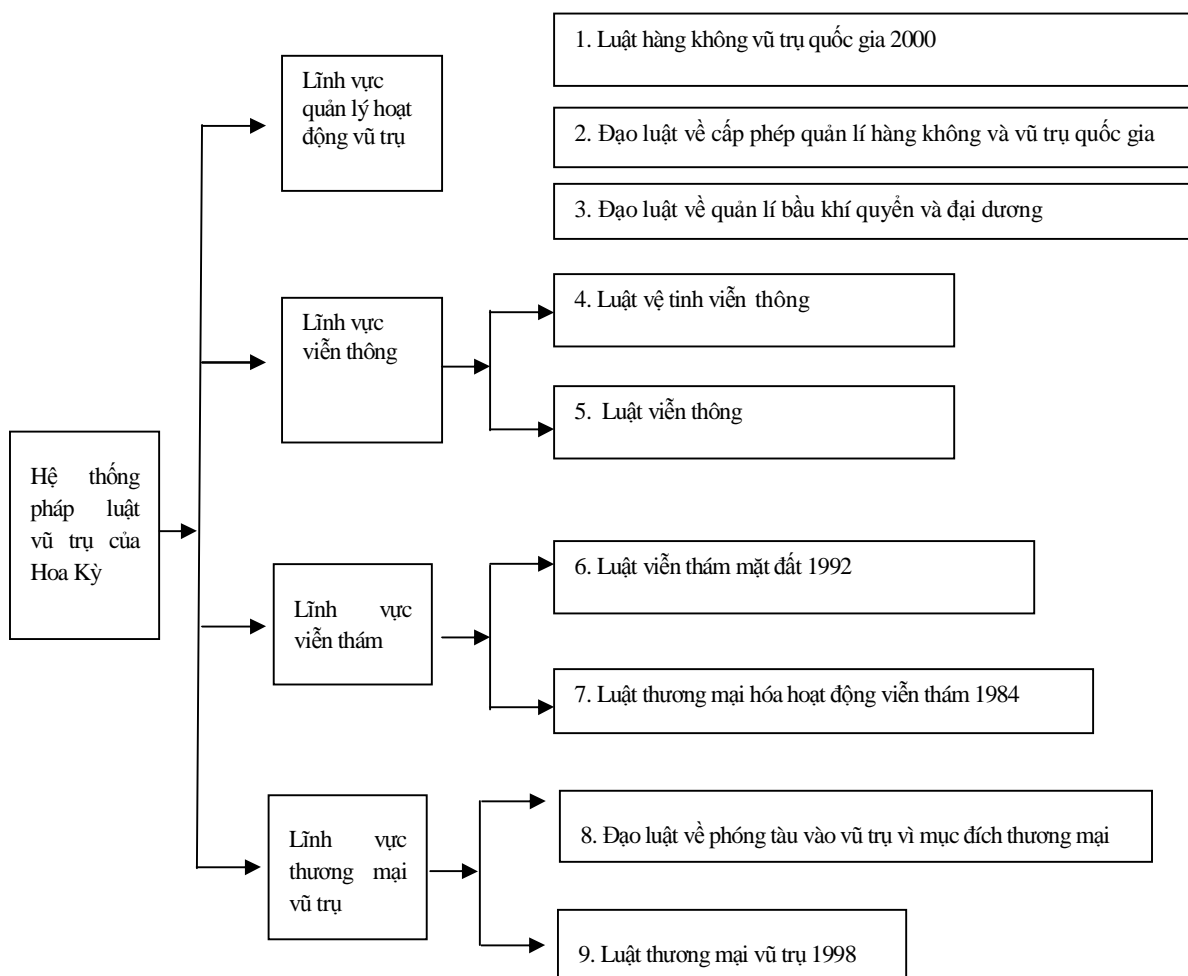
Đạo luật về cấp phép quản lý hàng không và vũ trụ quốc gia 1985, 1986, 1988, 1989, 1993; Đạo luật về quản lý bầu khí quyển và đại dương 1992;

- **Lĩnh vực viễn thông:** Luật viễn thông 1934 đã sửa đổi bổ sung; Luật vệ tinh viễn thông 1962 đã sửa đổi bổ sung.

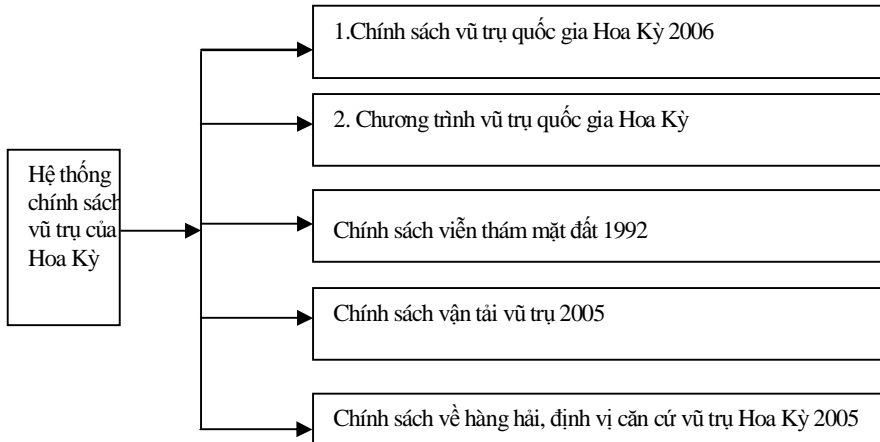
- **Lĩnh vực viễn thám:** Đạo luật thương mại hóa hoạt động viễn thám mặt đất 1984, đã sửa đổi; Đạo luật về viễn thám mặt đất 1992;

- **Lĩnh vực thương mại vũ trụ:** Đạo luật về phóng tàu vào vũ trụ vì mục đích thương mại 1984, đã sửa đổi; Luật thương mại vũ trụ 1998;

Có thể khái quát mô hình này theo sơ đồ sau



⁽³⁾ International agreements and other available legal documents relevant to space-related activities (Danh mục các thỏa thuận quốc tế và các văn bản pháp luật khác của Liên hợp quốc) <http://www.oosa.unvienna.org>



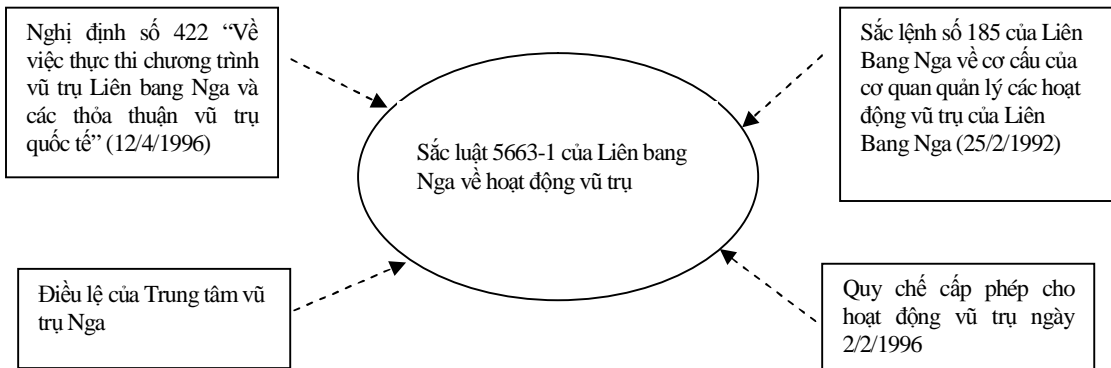
1.2. Mô hình khung pháp luật về sử dụng khoảng không vũ trụ của Liên bang Nga, Ucraina

Khác với Hoa Kỳ, Liên bang Nga theo đuổi mô hình: Xây dựng một đạo luật chung, tổng quát về hoạt động vũ trụ và các văn bản dưới luật điều chỉnh từng lĩnh vực liên quan đến hoạt động sử dụng khoảng không vũ trụ, cụ thể⁽⁴⁾:

- Sắc luật 5663-1 của Liên bang Nga về hoạt động vũ trụ (Đây là đạo luật trung tâm);

- Các văn bản dưới luật hỗ trợ gồm: Nghị định số 422 “Về việc thực thi chương trình vũ trụ Liên bang Nga và các thỏa thuận vũ trụ quốc tế” ngày 12/4/1996; Điều lệ của Trung tâm vũ trụ Nga; Sắc lệnh số 185 của Liên Bang Nga về cơ cấu của cơ quan quản lý các hoạt động vũ trụ của Liên Bang Nga 25/2/1992; Quy chế cấp phép cho hoạt động vũ trụ ngày 2/2/1996;

Mô hình này có thể được khái quát thành sơ đồ như sau:



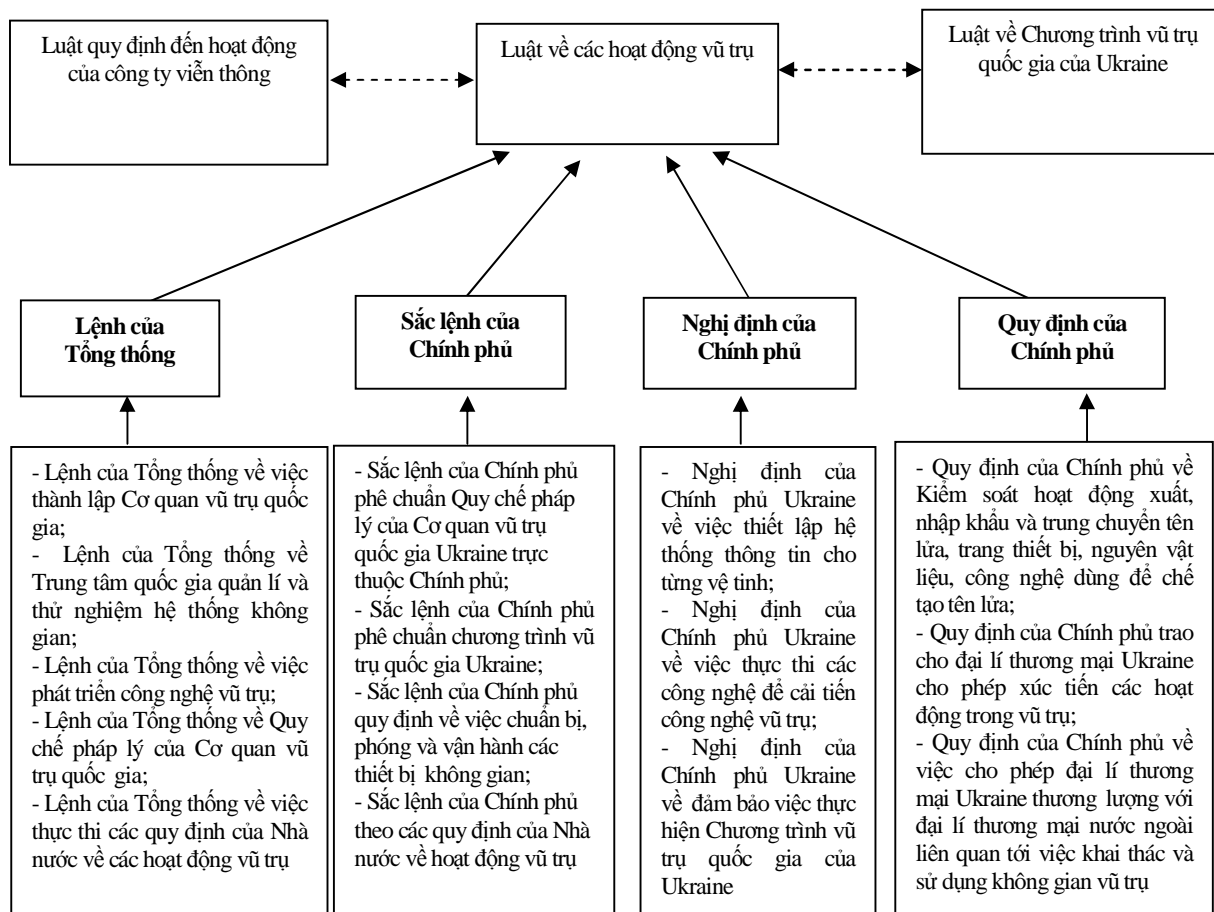
Giống như Nga, Ucraina cũng theo đuổi mô hình: Xây dựng một đạo luật chung, tổng quát về hoạt động vũ trụ và các văn bản dưới luật điều chỉnh cụ thể từng lĩnh vực của hoạt động sử dụng khoảng không vũ trụ. Tuy nhiên, khác với Liên bang Nga, những vấn đề quan trọng có liên quan

đến hoạt động vũ trụ, bên cạnh đạo luật chung, Ucraina còn xây dựng các đạo luật riêng điều chỉnh lĩnh vực đó⁽⁵⁾.

⁽⁴⁾ International agreements and other available legal documents relevant to space-related activities (Danh mục các thỏa thuận quốc tế và các văn bản pháp luật khác của Liên hợp quốc) <http://www.oosa.unvienna.org>

⁽⁵⁾ International agreements and other available legal documents relevant to space-related activities (Danh mục các thỏa thuận quốc tế và các văn bản pháp luật khác của Liên hợp quốc) <http://www.oosa.unvienna.org>

Mô hình này sẽ được sơ đồ hóa lên như sau:



1.3. Hệ thống pháp luật về sử dụng khoảng không vũ trụ của Australia, Nam Phi và Pháp

Theo các quy định hiện hành của Australia, có thể nhận thấy, quốc gia này có hệ thống pháp luật về vũ trụ theo mô hình: **Xây dựng một đạo luật chung, tổng quát về hoạt động vũ trụ và các văn bản dưới luật điều chỉnh các lĩnh vực đã được quy định trong đạo luật chung.**

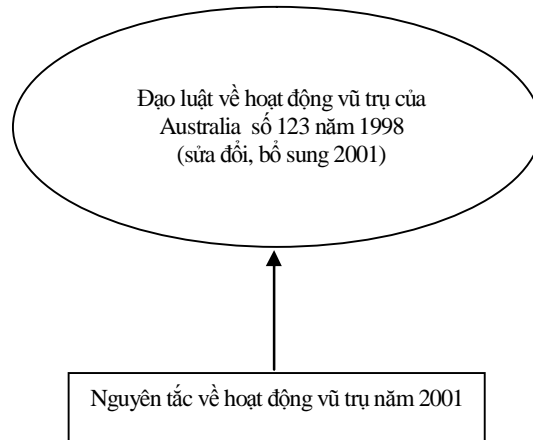
Hiện nay, Australia đã ban hành một đạo luật quan trọng về vũ trụ đó là Đạo luật về các hoạt động vũ trụ năm 1998 (sửa đổi, bổ sung 2001). Để cụ thể hóa đạo luật này, Australia cũng đã ban hành Nguyên tắc về hoạt động vũ trụ năm 2001.

Cũng giống như Australia, Nam Phi và Pháp đã xây dựng hệ thống luật vũ trụ của mình theo mô hình: xây dựng một đạo luật chung quy định tất cả các vấn đề về vũ trụ, cụ thể là Luật về các vấn đề Vũ trụ năm

1993 của Nam Phi và Luật số 518 ngày 3/6/2008 về hoạt động Vũ trụ của Cộng hòa Pháp. Bên cạnh đó, đối với các vấn đề khác liên quan đến vấn đề khoa học công nghệ vũ trụ như hoạt động của các vệ tinh, ngoài việc chịu sự “điều chỉnh trực tiếp” của các Hiệp ước vũ trụ của UN⁽⁶⁾ và đạo luật vũ trụ chung như trên, pháp luật của Pháp về dịch vụ, sở hữu trí tuệ về thông tin, viễn thông hoặc kinh doanh sẽ được áp dụng với những vấn đề có liên quan⁽⁷⁾.

⁽⁶⁾ 5 Hiệp định chính trong lĩnh vực vũ trụ: Hiệp ước vũ trụ 1967, Hiệp ước cứu hộ phi hành gia vũ trụ 1968, Hiệp định trách nhiệm pháp lý 1972, Công ước đăng ký 1975 và Hiệp định Mặt Trăng 1979

⁽⁷⁾ Philippe Clerc, French Current Plans for a National Space Legal Framework (Tài liệu dịch “Kế hoạch hiện tại của Pháp về khung pháp lý vũ trụ quốc gia” (Philippe Clerc).



Sơ đồ hệ thống pháp luật vũ trụ của Australia

Từ việc so sánh, phân tích, nghiên cứu hệ thống chính sách, pháp luật quốc gia về khoảng không vũ trụ của các nước, có thể rút ra một số mô hình khung pháp luật vũ trụ quốc gia điển hình như sau:

Mô hình 1: Một đạo luật chung điều chỉnh chung tất cả các lĩnh vực liên quan đến sử dụng khoảng không vũ trụ

Đây là mô hình khung pháp luật vũ trụ được xây dựng theo hướng hình thành 1 văn bản pháp luật tổng thể, bao hàm gần như đầy đủ tất cả các vấn đề, các khía cạnh pháp lý, các lĩnh vực liên quan đến hoạt động khai thác và sử dụng khoảng không vũ trụ. Tuy nhiên, qua nghiên cứu về khung pháp luật vũ trụ quốc gia của một số quốc gia trên thế giới, qua khảo sát từ nhiều nguồn, cho thấy rằng, rất ít các quốc gia ban hành một đạo luật chung, tổng thể có thể điều chỉnh tất cả các hoạt động vũ trụ như đã xây dựng theo mô hình này. Sở dĩ, các quốc gia trên thế giới hầu như không áp dụng mô hình này cho việc xây dựng pháp luật về các hoạt động vũ trụ của mình bởi một số lý do sau đây:

Thứ nhất, việc xây dựng một đạo luật chung, có phạm vi điều chỉnh rộng sẽ gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi sự tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến của nhiều cơ quan, ban, ngành, nhiều cá nhân, tổ chức tham gia các lĩnh vực khác nhau của hoạt động vũ trụ;

Thứ hai, sử dụng khoảng không vũ trụ là một lĩnh vực mới, cho đến nay người ta vẫn chưa thể thống kê cũng như khai phá hết các tiềm năng và giá

trị của vũ trụ phục vụ vào đời sống con người. Vì vậy, các lĩnh vực hoạt động vũ trụ vẫn chưa dừng lại, do đó việc xây dựng một đạo luật chung điều chỉnh tất cả các hoạt động vũ trụ là không khả quan;

Thứ ba, một đạo luật đồ sộ, có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cơ quan, ban ngành như vậy sẽ gây khó khăn cho việc cả việc thực thi cũng như việc sửa đổi, bổ sung. Điều này sẽ làm hạn chế tính hiệu quả và hiệu lực của đạo luật

Mô hình 2: Một đạo luật riêng về hoạt động vũ trụ vũ trụ và các luật bổ trợ (Luật viễn thông, viễn thám, tần số vô tuyến điện,...)

Đây là mô hình khung pháp luật được xây dựng khá phổ biến trên thế giới hiện nay. Trong số các quốc gia đã hình thành hệ thống pháp luật quốc gia về vũ trụ thì có tới 2/3 số nước đã và đang triển khai xây dựng và hoàn thiện pháp luật vũ trụ theo hướng này.

Các quốc gia điển hình có hệ thống pháp luật được xây dựng theo mô hình này gồm: Liên bang Nga, Pháp, Australia, Ukraine, Anh, Hàn Quốc, Hà Lan, Nam Phi... Các quốc gia này đã ban hành một đạo luật vũ trụ chung, thống nhất mang tính nguyên tắc nhằm điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động vũ trụ. Bên cạnh đạo luật vũ trụ này, mỗi nước còn có rất nhiều các văn bản riêng điều chỉnh các lĩnh vực có liên quan như: viễn thông, viễn thám, tần số vô tuyến điện, thương mại vũ trụ, trách nhiệm pháp lý, bảo vệ môi trường vũ trụ,....

Mô hình 3: Không có luật riêng về hoạt động vũ trụ mà mỗi lĩnh vực có liên quan sẽ được điều chỉnh bằng một văn bản pháp lý

Đây là mô hình hệ thống pháp luật bao gồm nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh từng lĩnh vực riêng, cụ thể của hoạt động vũ trụ.

Một số quốc gia trên thế giới hiện đang có hệ thống pháp luật vũ trụ được xây dựng theo mô hình này gồm: Hoa Kỳ, Argentina, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia, Algeria,...

Ngoài các quốc gia có nền công nghệ vũ trụ phát triển và hệ thống chính sách, pháp luật tương đối hoàn chỉnh như đã phân tích, hiện nay trên thế giới đã có rất nhiều quốc gia đã xây dựng được hệ thống pháp lý, thành lập được các cơ quan quản lý hoạt động vũ trụ của riêng mình. Các cường quốc về kinh tế và công nghệ vũ trụ như Nga, Pháp, Đức, Nhật,... cũng đồng thời là những nước đã cơ bản hình thành hệ thống chính sách, pháp luật về vũ trụ, đã thành lập được các Cơ quan vũ trụ quốc gia, đã triển khai và hợp tác triển khai nhiều dự án chính phục, khai thác sử dụng khoảng không vũ trụ rất thành công.

Hiện nay, ở một số nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Nhật Bản... ngành luật vũ trụ đã rất phát triển. Tại các nước này, luật pháp về khoảng không vũ trụ đã bước sang “thế hệ thứ hai” của quá trình phát triển. Thật vậy, là cường quốc về khoa học công nghệ vũ trụ các quốc gia này đã định hướng trước sự phát triển của luật pháp về vũ trụ và xu hướng phát triển của các quan hệ xã hội - hệ quả tất yếu của thành quả khoa học công nghệ như - xu hướng thương mại hóa hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoảng không vũ trụ. Theo dự đoán của Giáo sư Nhật Yasuaki Hashimoto thì: “trong tương lai gần, không gian bên ngoài sẽ được công nhận quyền như là một thị trường hoặc khu vực giành cho khách du lịch, sản xuất... của khối doanh nghiệp tư nhân”⁽⁸⁾. Vì vậy, Nhật Bản đã thiết lập một hệ thống pháp luật mới về khoảng không

vũ trụ nhằm điều chỉnh các hành vi thương mại sẽ diễn ra trong tương lai, như: tình trạng của các phi hành gia, các mối quan hệ của các quốc gia và các lĩnh vực tư nhân, trách nhiệm thương mại trong khoảng không vũ trụ.

2. Đề xuất xây dựng mô hình khung pháp luật của Việt Nam

Những kết quả nghiên cứu nêu trên về hệ thống khung chính sách, pháp luật vũ trụ của các quốc gia trên thế giới cho thấy rằng, hiện đang tồn tại 3 mô hình khung pháp luật chủ yếu, đó là:

- Mô hình 1: Một đạo luật chung điều chỉnh chung tất cả các lĩnh vực liên quan đến sử dụng khoảng không vũ trụ

- Mô hình 2: Một đạo luật riêng về hoạt động vũ trụ vũ trụ và các luật bổ trợ (Luật viễn thông, viễn thám, tần số vô tuyến điện,...)

- Mô hình 3: Không có luật riêng về hoạt động vũ trụ mà mỗi lĩnh vực có liên quan sẽ được điều chỉnh bằng một văn bản pháp lý

Từ lý luận, kinh nghiệm quốc tế cũng như căn cứ điều kiện thực tiễn của Việt Nam, chúng tôi thấy rằng Việt Nam có thể lựa chọn mô hình 2 (Mô hình: Một đạo luật riêng về hoạt động vũ trụ vũ trụ và các luật bổ trợ) để xây dựng khung pháp luật Việt Nam về sử dụng khoảng không vũ trụ vì mục đích hòa bình. Đề xuất này được đưa ra căn cứ vào những lý do sau đây:

Một là, tương tự như việc xây dựng các đạo luật chuyên ngành khác của Việt Nam, sự cần thiết phải có một đạo luật về khoảng không vũ trụ Việt Nam là không thể phủ nhận. Nếu như Luật các vùng biển Việt Nam nhằm nội luật hoá Công ước Luật biển 1982 thì đạo luật về sử dụng khoảng không vũ trụ của Việt Nam sẽ hướng đến nội luật hoá các điều ước quốc tế có liên quan về vấn đề sử dụng, khai thác khoảng không vũ trụ nhằm mục đích hoà bình. Đạo luật này sẽ quy định các nguyên tắc thống nhất để bảo vệ lợi ích quốc gia của Việt Nam, điều chỉnh các đối tượng, phương tiện vũ trụ và các hoạt động trong khoảng không vũ trụ nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, các quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam trong

⁽⁸⁾ Yasuaki Hashimoto, The Regulation of Commercial Space Activities by the Non-Governmental Entities in Space Law, http://www.spacefuture.com/archive/the_regulation_of_commercial_space_activities_by_the_non_governmental_entities_in_space_law.shtml

khoảng không vũ trụ, tăng cường sử dụng, khai thác, bảo vệ và quản lý nhà nước về khoảng không vũ trụ, khuyến khích sự phát triển và hợp tác quốc tế, giữ gìn hòa bình và ổn định trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, việc xây dựng một đạo luật chuyên biệt về các hoạt động vũ trụ của Việt Nam là cần thiết.

Hai là, việc xây dựng một đạo luật chuyên biệt là cần thiết, nhưng nếu xây dựng đạo luật này theo hướng của mô hình 1 (*Một đạo luật chung điều chỉnh chung tất cả các lĩnh vực liên quan đến sử dụng khoảng không vũ trụ*) thì không khả thi, bởi lẽ hoạt động sử dụng khoảng không vũ trụ và các ứng dụng của công nghệ vũ trụ hiện nay đã mở rộng tới rất nhiều các lĩnh vực như: viễn thông, viễn thám, tần số vô tuyến điện, thương mại, tài nguyên, môi trường... Mỗi ngành, lĩnh vực tuy cùng là ứng dụng thành tựu của công nghệ vũ trụ nhưng lại có những điểm khác biệt và đặc thù riêng đòi hỏi sự điều chỉnh bằng các quy phạm pháp luật đặc thù, chuyên biệt và cụ thể hơn. Vì thế, một đạo luật chung sẽ khó có thể điều chỉnh được tất cả các ngành và lĩnh vực hoạt động vũ trụ này.

Ba là, hiện nay, mặc dù Việt Nam chưa có một văn bản pháp luật chuyên biệt về sử dụng khoảng không vũ trụ, tuy nhiên, hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh những lĩnh vực cụ thể đã được hình thành như: Luật Viễn thông năm 2009, Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009, Luật Công nghệ cao năm 2008, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, v.v... Vì vậy, việc trước mắt cần tiến hành là xây dựng một đạo luật chuyên biệt nhằm định ra những nguyên tắc chung về khai thác và sử dụng vũ trụ của Việt Nam. Đây là phương án khả dĩ phù hợp với thực trạng pháp luật và điều kiện hiện nay của nước ta.

Trong ba mô hình pháp luật vũ trụ quốc gia vừa được nêu trên đây, mỗi mô hình này đều có những ưu, nhược điểm riêng và được xây dựng ở mỗi quốc gia phụ thuộc vào hệ thống pháp luật của từng nước với những điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội, trình độ phát triển khoa học kỹ thuật cũng như trình độ lập pháp của mỗi quốc gia. Tuy nhiên,

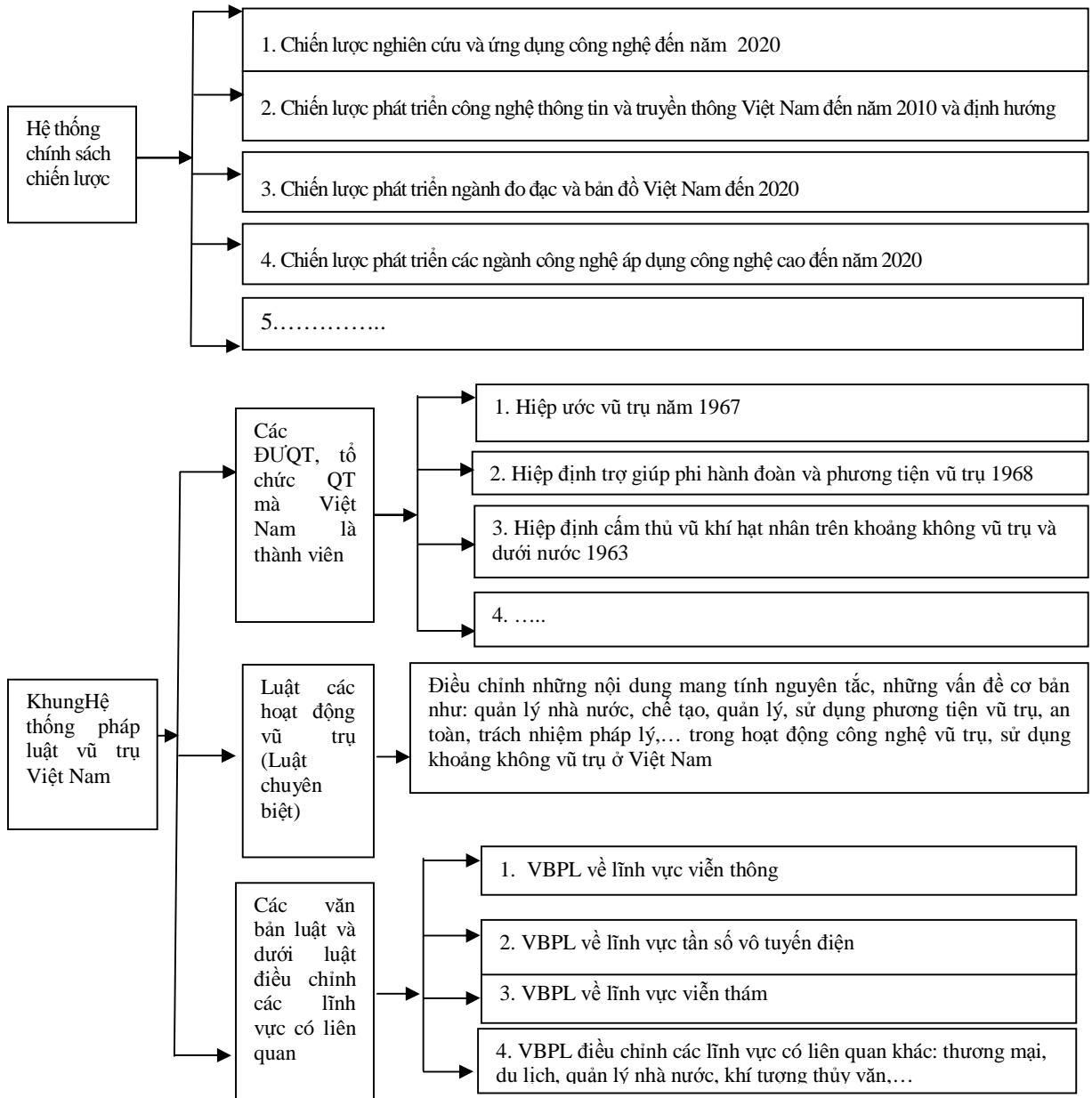
nghiên cứu ở phạm vi rộng có thể thấy, xây dựng khung pháp luật vũ trụ theo mô hình 2 (một đạo luật riêng về hoạt động vũ trụ vũ trụ và các luật bổ trợ) đang là xu thế của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay. Nhiều quốc gia đã lựa chọn mô hình này và đã ban hành đạo luật chuyên biệt để điều chỉnh các hoạt động vũ trụ của mình.

Qua tổng hợp kết quả nghiên cứu khảo sát thực tế, lấy ý kiến từ nhiều chuyên gia, nhà khoa học của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị nghiên cứu, cơ sở đào tạo ở Trung ương và Hà Nội có liên quan đến lĩnh vực hoạt động vũ trụ cho thấy 55% số người được hỏi (171/307 người) lựa chọn mô hình 2 (một đạo luật riêng về hoạt động vũ trụ vũ trụ và các luật bổ trợ) để xây dựng khung pháp luật Việt Nam về sử dụng khoảng không vũ trụ. Đồng thời, 96% số người tham gia khảo sát thể hiện quan điểm cần thiết phải xây dựng và ban hành một đạo luật chuyên biệt điều chỉnh các hoạt động sử dụng khoảng không vũ trụ ở Việt Nam⁽⁹⁾.

Từ kinh nghiệm xây dựng pháp luật vũ trụ các quốc gia trên thế giới, các hoạt động khoa học và ứng dụng công nghệ vũ trụ Việt Nam, có thể thấy, mô hình khung pháp luật vũ trụ (mô hình 2) bao gồm một đạo luật chuyên biệt và các văn bản pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực có liên quan là mô hình có thể áp dụng cho Việt Nam.

Có thể mô hình hóa khung pháp luật về các hoạt động vũ trụ của Việt Nam như sau:

Việt Nam có điều kiện là một quốc gia có nền kinh tế, xã hội đang phát triển, nền công nghệ vũ trụ mới bước đầu hình thành, ứng dụng trên một số lĩnh vực và còn đang chứa đựng những tiềm năng sẽ được triển khai ở nhiều lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách pháp luật vũ trụ của Việt Nam đang bước đầu được xây dựng, thì việc lựa chọn một mô hình pháp luật vũ trụ theo Mô hình 2 là tương đối hợp lý. Tuy nhiên, việc lựa chọn và áp dụng mô hình nào thì cần phải được tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, có sự cân nhắc một cách nghiêm túc trong tổng thể các điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của đất nước cũng như quan hệ quốc tế.



Tài liệu tham khảo

[1] Quyết định số 137/2006/QĐ-TTg ngày 14/06/2006) của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chiến lược Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ vũ trụ đến năm 2020”

[2] UN, *International agreements and other available legal documents relevant to space-related activities* (Danh mục các thỏa thuận quốc tế và các

văn bản pháp luật khác của Liên hợp quốc) <http://www.oosa.unvienna.org>

[3] Commercial Space Act of 1998 (Luật thương mại vũ trụ Hoa Kỳ 1998);

[4] 5 Hiệp định chính trong lĩnh vực vũ trụ: Hiệp ước vũ trụ 1967, Hiệp ước cứu hộ phi hành gia vũ trụ 1968, Hiệp định trách nhiệm pháp lý 1972, Công ước đăng ký 1975 và Hiệp định Mặt Trăng 1979.

- [5] Philippe Clerc, *French Current Plans for a National Space Legal Framework* (Tài liệu dịch “Kế hoạch hiện tại của Pháp về khung pháp lý vũ trụ quốc gia” (Philippe Clere).
- [6] Yasuaki Hashimoto, *The Regulation of Commercial Space Activities by the Non-Governmental Entities in Space Law*, http://www.spacefuture.com/archive/the_regulation_of_commercial_space_activities_by_the_non_governmental_entities_in_space_law.shtml
- [7] Số liệu thống kê Điều tra, khảo sát thuộc đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước: “*Nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng khung pháp luật Việt Nam về sử dụng không gian vũ trụ vì mục đích hòa bình*” của Trung tâm Luật Biển và Hàng hải quốc tế - Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 10/2010.

Building the Vietnam framework of national legislation in peaceful use of outer space

Nguyen Ba Dien

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This article provide an overview of the available policies and legislation system of some countries in the world relevant to space-related activities. Accordingly, the author generalize some of the legal framework that is primarily applied in the world today and draw experience to Vietnam in the framework of national legislation in peaceful use of outer space.